# QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT TỈNH TÂY NINH

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021*

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)**

**QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT TỈNH TÂY NINH**

**MỤC LỤC** **Trang**


| | | |
|---|---|---|
| 1. | BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC | 01 - 02 |
| 2. | BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 03 - 04 |
| 3. | BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH | 05 - 06 |
| 4. | BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG | 07 |
| 5. | BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 08 - 09 |
| 6. | THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 10 - 16 |

# BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Quỹ Phát triển đất tỉnh Tây Ninh (sau đây gọi tắt là 'Quỹ phát triển đất') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Quỹ Phát triển đất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Quỹ Phát triển đất tỉnh Tây Ninh là một tổ chức tài chính Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh Tây Ninh, được thành lập theo Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 21/10/2010 của UBND Tỉnh Tây Ninh, Quyết định số 28/2012/QĐ-UBND ban hành Điều lệ về tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất tỉnh Tây Ninh, Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ về tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 28/2012/QĐ-UBND ngày 14/6/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh."

Quỹ Phát triển đất có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước Tỉnh Tây Ninh và các tổ chức tín dụng để hoạt động. Kinh phí hoạt động của Quỹ Phát triển đất tự chủ toàn bộ thực hiện theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy biên chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập...Quỹ Phát triển đất hoạt động theo nguyên tắc bảo toàn vốn, bù đắp chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động và không vì mục đích lợi nhuận.

**Trụ sở hoạt động:**

Địa chỉ: Đường 30/4, Phường 1, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh
Điện thoại: 0276 3813 664
Fax: 0276 3813 661
Mã số thuế 3900370721 - 002

## CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT TỈNH TÂY NINH

Kinh phí hoạt động của Quỹ Phát triển đất gồm: Ngân sách nhà nước cấp để ủy thác; Phí ủy thác và các nguồn khác theo quy định của pháp luật:

+ Nguồn kinh phí Ngân sách Nhà nước cấp để ủy thác được trích từ 30% đến 50% từ nguồn thu sử dụng đất, tiền thuê đất và từ đấu giá quyền sử dụng đất hàng năm trên địa bàn Tỉnh (bao gồm ngân sách Tỉnh và ngân sách Huyện), với mục đích sử dụng để ứng vốn và hỗ trợ bồi thường, tái định cư, tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Tỉnh.

+ Nguồn kinh phí khác gồm phí ủy thác và từ các khoản thu lãi tiền gửi ngân hàng, với mục đích hỗ trợ kinh phí hoạt động cho bộ máy của Quỹ phát triển đất

## Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển đất , Ban Kiểm soát và Giám đốc

| **Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển đất** | **Chức vụ** |
|---|---|
| - Ông Trần Văn Chiến | Chủ tịch |
| - Bà Nguyễn Thị Hà | Phó Chủ tịch |
| - Ông Phạm Lưu Nhạn | Thành viên |
| - Ông Văn Tiến Dũng | Thành viên |
| - Ông Kiều Công Minh | Thành viên |
| **Ban Kiểm soát** | **Chức vụ** |
| - Ông Trương Trúc Phương | Trưởng Ban kiểm soát |
| - Bà Lâm Huỳnh Kim Thu | Thành viên |
| - Bà Nguyễn Dương Thanh Thảo | Thành viên - Miễn nhiệm từ ngày 01/06/2021 |
| - Ông Huỳnh Quang Vinh | Thành viên |
| **Giám đốc và kế toán trưởng** | **Chức vụ** |
| - Bà Nguyễn Thị Hà | Giám đốc |
| - Bà Nguyễn Thị Lộc | Kế toán trưởng |

# BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

**Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ**

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Giám đốc, đến kết quả hoạt động trong năm tài chính hiện hành.

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH kiểm toán Thái Bình Dương được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

**Công bố trách nhiệm của Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Giám đốc Quỹ Phát triển đất chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Giám đốc Quỹ Phát triển đất đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ trung thực, hợp lý, tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Giám đốc Công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Giám đốc Quỹ Phát triển đất cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo, Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ Phát triển đất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán; Hệ thống kế toán hành chính sự nghiệp, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Ngày 29 tháng 01 năm 2022

Thay mặt và Đại diện Quỹ Phát triển đất

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT TỈNH TÂY NINH

**Nguyễn Thị Hà**
**Giám đốc**

"Mang đến niềm tin"

Số: 010/2022/BCKiTTC-TBD

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** **Hội đồng Quản lý và Giám đốc**
**Quỹ Phát triển đất tỉnh Tây Ninh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Phát triển đất tỉnh Tây Ninh, được lập ngày 29 tháng 01 năm 2022, từ trang 05 đến trang 16, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Giám Đốc**

Giám đốc Quỹ Phát triển đất chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ phát triển đất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ Phát triển đất liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Quỹ phát triển đất. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ảnh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Quỹ Phát triển đất tỉnh Tây Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2022

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)**

| **Phó Giám đốc** | **Kiểm toán viên** |
|---|---|
| **Trần Minh Bảo** | **Nguyễn Thị Bích Thủy** |
| Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3219-2020-196-1 | Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1725-2018-196-1 |

QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT TỈNH TÂY NINH

# BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

*Đơn vị tính: VND*

| STT | TÀI SẢN | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|---|---|---|
| A | B | C | D | 1 | 2 |
| | **TÀI SẢN** | | | | |
| **I.** | **Tiền** | **01** | V.01 | **384.016.683.138** | **344.005.198.004** |
| **II.** | **Đầu tư tài chính ngắn hạn** | **05** | V.02 | 479.760.000.000 | 448.660.000.000 |
| **III.** | **Các khoản phải thu** | **10** | | **95.845.977.700** | **75.013.206.202** |
| 1. | Phải thu khách hàng | 11 | V.03 | 95.845.977.700 | 75.013.206.202 |
| 2. | Trả trước cho người bán | | | | |
| 3. | Phải thu nội bộ | 13 | | - | - |
| 4. | Các khoản phải thu khác | 14 | | - | - |
| **IV.** | **Hàng tồn kho** | **20** | | - | - |
| **V.** | **Đầu tư tài chính dài hạn** | **25** | | - | - |
| **VI.** | **Tài sản cố định** | **30** | V.04 | **107.700.000** | **89.200.000** |
| 1. | Tài sản cố định hữu hình | 31 | | 107.700.000 | 89.200.000 |
| | Nguyên giá | 32 | | 442.900.000 | 393.400.000 |
| | Giá trị hao mòn lũy kế | 33 | | (335.200.000) | (304.200.000) |
| 2. | Tài sản cố định vô hình | **35** | | - | - |
| | Nguyên giá | 36 | | - | - |
| | Giá trị hao mòn lũy kế | 37 | | - | - |
| **VII** | **Xây dựng cơ bản dở dang** | **40** | | - | - |
| **VIII** | **Tài sản khác** | **45** | | - | - |
| | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | **50** | | **959.730.360.838** | **867.767.604.206** |

QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT TỈNH TÂY NINH

# BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

*Đơn vị tính: VND*

| | NGUỒN VỐN | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Nợ phải trả** | **60** | | **122.025.791** | **162.328.132** |
| 1 | Phải trả nhà cung cấp | 61 | | - | - |
| 2 | Các khoản nhận trước của khách hàng | 62 | | - | - |
| 3 | Phải trả nội bộ | 63 | | - | - |
| 4 | Phải trả nợ vay | 64 | | - | - |
| 5 | Tạm Thu | 65 | | - | - |
| 6 | Các quỹ đặc thù | 66 | | - | - |
| 7 | Các khoản nhận trước chưa ghi thu | 67 | V.05 | 107.700.000 | 89.200.000 |
| 8 | Nợ phải trả khác | 68 | V.06 | 14.325.791 | 73.128.132 |
| **II** | **Tài sản thuần** | **70** | | **959.608.335.047** | **867.605.276.074** |
| 1 | Nguồn vốn kinh doanh | 71 | V.07 | 894.331.816.836 | 814.485.245.836 |
| 2 | Thặng dư (thâm hụt) lũy kế | 72 | | - | - |
| 3 | Các quỹ | 73 | V.08 | 65.276.518.211 | 53.120.030.238 |
| 4 | Tài sản thuần khác | 74 | | - | - |
| | **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN** | **80** | | **959.730.360.838** | **867.767.604.206** |

*Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.*

Ngày 29 tháng 01 năm 2022

QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT TỈNH TÂY NINH

| | |
|---|---|
| **Nguyễn Thị Lộc** | **Nguyễn Thị Hà** |
| **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |

QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT TỈNH TÂY NINH

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

*Đơn vị tính: VND*

| | Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|---|
| **I.** | **Hoạt động hành chính, sự nghiệp** | | | | |
| 1. | Doanh thu (01=02+03+04) | **01** | VI.01 | **31.000.000** | **48.660.000** |
| a | Từ NSNN cấp | 02 | | 31.000.000 | 48.660.000 |
| b | Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài | 03 | | - | - |
| c | Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại | 04 | | - | - |
| 2. | Chi phí (05=06+07+08) | **05** | | **31.000.000** | **48.660.000** |
| a | Chi phí hoạt động | 06 | | 31.000.000 | 48.660.000 |
| b | Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài | 07 | | - | - |
| c | Chi phí hoạt động thu phí | 08 | | - | - |
| 3. | Thặng dư/thâm hụt (09= 01-05) | **09** | | - | - |
| **II.** | **Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ** | | | | |
| 1. | Doanh thu | 10 | | 14.339.790.323 | 22.763.525.792 |
| 2. | Chi phí | 11 | | 1.009.120.384 | 1.034.850.674 |
| 3. | Thặng dư/thâm hụt (12=10-11) | **12** | | 13.330.669.939 | 21.728.675.118 |
| **III.** | **Hoạt động tài chính** | | | | |
| 1. | Doanh thu | **20** | | - | - |
| 2. | Chi phí | **21** | | - | - |
| 3. | Thặng dư/thâm hụt (22=20-21) | **22** | | - | - |
| **IV.** | **Hoạt động khác** | | | | |
| 1. | Thu nhập khác | **30** | | - | 789.800 |
| 2. | Chi phí khác | **31** | | - | - |
| 3. | Thặng dư/thâm hụt (32=30-31) | **32** | | - | 789.800 |
| **V.** | **Chi phí thuế TNDN** | **40** | | 716.989.516 | 1.138.176.288 |
| **VI.** | **Thặng dư/thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40)** | **50** | | **12.613.680.423** | **20.591.288.630** |
| 1. | Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính | **51** | | - | - |
| 2. | Phân phối cho các quỹ | **52** | | 12.613.680.423 | 20.591.288.630 |
| 3. | Kinh phí cải cách tiền lương | **53** | | - | - |

*Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.*

Ngày 29 tháng 01 năm 2022

**Nguyễn Thị Lộc**
**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Thị Hà**
**Giám đốc**

**QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT TỈNH TÂY NINH**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

*(Phương pháp trực tiếp)*

*Đơn vị tính: VND*

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| **I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG CHÍNH** | | | | |
| **1. Các khoản thu** | **01** | | **49.708.601.921** | **87.694.970.091** |
| - Tiền Ngân sách nhà nước cấp | 02 | | | |
| - Tiền thu từ nguồn viện trợ, vay nước ngoài | 03 | | | |
| - Tiền thu từ nguồn phí, lệ phí | 04 | | | |
| - Tiền thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ | 05 | | **49.697.364.220** | **87.670.598.965** |
| - Tiền thu khác | 06 | | 11.237.701 | 24.371.126 |
| **2. Các khoản chi** | **10** | | **(58.394.187.787)** | **(94.749.478.995)** |
| - Tiền chi lương, tiền công và chi khác cho nhân viên | 11 | | (277.533.807) | (274.975.314) |
| - Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ | 12 | | (658.798.324) | (685.304.063) |
| - Tiền chi khác | 13 | | (57.457.855.656) | (93.789.199.618) |
| **Lưu chuyển tiền tệ hoạt động chính** | **20** | | **(8.685.585.866)** | **(7.054.508.904)** |
| **II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ** | | | | |
| 1. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định | 21 | | | |
| 2. Tiền thu từ các khoản đầu tư | 22 | | 4.911.801.000.000 | 3.060.070.000.000 |
| 3. Tiền chi XDCB, mua tài sản cố định | 23 | | (49.500.000) | (60.600.000) |
| 4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | 24 | | (4.942.901.000.000) | (3.070.130.000.000) |
| **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư** | **30** | | **(31.149.500.000)** | **(10.120.600.000)** |
| **III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH** | | | | |
| 1. Tiền thu từ các khoản đi vay | 31 | | | |
| 2. Tiền thu từ vốn góp | 32 | | 79.846.571.000 | 111.214.663.792 |
| 3. Tiền hoàn trả gốc vay | 33 | | | |
| 4. Tiền hoàn trả vốn góp | 34 | | | (58.674.829.632) |
| 5. Cổ tức/ lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 35 | | | |
| **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính** | **40** | | **79.846.571.000** | **52.539.834.160** |

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

*(Phương pháp trực tiếp)*

*Đơn vị tính: VND*

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| **IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm** | 50 | =40-30 | **40.011.485.134** | **35.364.725.256** |
| **V. Số dư tiền đầu kỳ** | 60 | | **344.005.198.004** | **308.640.472.748** |
| **VII. Số dư tiền cuối kỳ** | 80 | | **384.016.683.138** | **344.005.198.004** |

*Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.*

**Nguyễn Thị Lộc**
**Kế toán trưởng**

QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT TỈNH TÂY NINH

**Nguyễn Thị Hà**
**Giám đốc**

## I. THÔNG TIN KHÁT QUÁT

**Đơn vị: Quỹ Phát triển đất Tỉnh Tây Ninh**

QĐ thành lập số 1925/QĐ-UBND ngày 21/10/2010 về việc ủy thác và thành lập Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển đất tỉnh Tây Ninh

Cơ quan cấp trên trực tiếp : Ủy ban nhân dân Tỉnh Tây Ninh

Loại hình đơn vị: Đơn vị Sự nghiệp công lập có thu đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động theo

Quyết định số 28/2012/QĐ-UBND ngày 14/6/2012 của UBND tỉnh Tây Ninh

**Chức năng, nhiệm vụ chính của đơn vị:**

Nhận vốn từ ngân sách nhà nước và huy động từ các nguồn vốn hợp pháp khác để ứng vốn cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng và tạo quỹ đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện các nhiệm vụ khác do UBND tỉnh giao

**Tổng số Cán bộ, Công nhân viên**

Tổng số Cán bộ, nhân viên của Quỹ đến ngày 31/12/2021 gồm : 05 thành viên Hội đồng quản lý, 03 thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và Kế toán trưởng.

**Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động trong năm:**

Không có hoạt động nào làm ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của đơn vị.

## II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

**1. Kỳ kế toán năm:**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VNĐ) trong hạch toán kế toán.

**3. Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Nhật ký chung

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

**1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Đơn vị áp dụng chế độ kế toán ban hành theo hướng dẫn của chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư số 107/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính.

**2, Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Quỹ đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Vì vậy, Báo cáo tài hình tài chính, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

*Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng và kho bạc;

### 2. Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 12 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### 3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ gồm các khoản phải thu từ hoạt động ứng vốn cho khách hàng.

### 4. Tài sản cố định và Hao mòn Tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động..

Tài sản cố định được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.

• Phương pháp tính hao mòn

Thông tư 45/2018/TT-BTC ngày 07/05/2018 về hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

### 5. Phương pháp ghi nhận các khoản thu phí, lệ phí và thu dịch vụ

- Đối với khoản thu sự nghiệp: Đơn vị phát hành biên lai thu phí

- Đối với khoản thu dịch vụ: đơn vị phát hành hóa đơn theo quy định của Cơ quan Thuế.

### 6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là Quỹ sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

### 7. Vốn chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh của Quỹ bao gồm :

Vốn Ngân sách Nhà nước cấp ghi theo số thực nhận

Vốn khác : hình thành bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

## III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

| 01. Tiền và các khoản tương tương tiền | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|---|---|---|
| **Tiền mặt tại quỹ** | - | - |
| - Tiền mặt tại quỹ VNĐ | - | - |
| **Tiền gửi ngân hàng VND** | **384.016.683.138** | **344.005.198.004** |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Ninh | 6.250.070 | 14.578.850 |
| - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Tây Ninh | 2.671.322 | 2.134.184 |
| - Kho Bạc Nhà Nước Tây Ninh | 383.985.311.530 | 343.693.574.217 |
| - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Tây Ninh | 7.940.689 | 29.928.753 |
| - Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tây Ninh | 1.993.876 | 59.772.147 |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Ninh | 1.995.608 | *106.994.265* |
| - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Ninh | 8.957.294 | *98.215.588* |
| - Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Tây Ninh | 1.562.749 | |
| **Tổng cộng** | **384.016.683.138** | **344.005.198.004** |

| 02 Các khoản đầu tư tài chính | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|---|---|---|
| **Tiền gửi có kỳ hạn** | **479.760.000.000** | **448.660.000.000** |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Ninh | 8.530.000.000 | 500.000.000 |
| - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Tây Ninh | 58.110.000.000 | 45.110.000.000 |
| - Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tây Ninh | 36.937.000.000 | 37.250.000.000 |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Ninh | 346.030.000.000 | 169.120.000.000 |
| - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Ninh | 14.760.000.000 | 196.680.000.000 |
| - Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Tây Ninh | 5.173.000.000 | |
| - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - PGD Phường 3 | 10.220.000.000 | |
| **Tổng cộng** | **479.760.000.000** | **448.660.000.000** |

**03 Phải thu khách hàng**

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|---|---|---|
| Trung tâm Phát triển quỹ Đất Tỉnh Tây Ninh | 30.478.433.219 | 29.407.436.363 |
| Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Thành phố Tây Ninh | - | 25.135.614.866 |
| Trung tâm Phát triển quỹ Đất huyện Bến Cầu | - | 6.321.959.050 |
| Trung tâm Phát triển quỹ Đất huyện Dương Minh Châu | 98.901.500 | 3.998.901.500 |
| Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Hòa Thành | 5.842.677.430 | 5.842.677.430 |
| Sở Tài Nguyên Môi Trường Tỉnh Tây Ninh | 4.306.616.993 | 4.306.616.993 |
| BQL DA Đầu tư XD Ngành Giao thông tỉnh TN | 55.119.348.558 | - |
| **Tổng cộng** | **95.845.977.700** | **75.013.206.202** |

**04. Tài sản cố định**

| Khoản mục | Tổng cộng | TSCĐ hữu hình | TSCĐ vô hình |
|---|---|---|---|
| **Nguyên giá** | | | |
| - Số dư đầu năm | 393.400.000 | 393.400.000 | |
| - Mua trong năm | 49.500.000 | 49.500.000 | - |
| **- Số dư cuối năm** | **442.900.000** | **442.900.000** | |
| **Giá trị hao mòn lũy kế** | | | |
| - Số dư đầu năm | (304.200.000) | (304.200.000) | - |
| - Khấu hao trong năm | (31.000.000) | (31.000.000) | - |
| **- Số dư cuối năm** | **(335.200.000)** | **(335.200.000)** | - |
| **Giá trị còn lại** | | | |
| - Số dư đầu năm | 89.200.000 | 89.200.000 | - |
| **- Số dư cuối năm** | **107.700.000** | **107.700.000** | - |

**05. Các khoản nhận trước chưa ghi thu**

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|---|---|---|
| **Ngân sách nhà nước cấp** | | |
| - Giá trị còn lại của TSCĐ | 107.700.000 | 89.200.000 |
| **Tổng cộng** | **107.700.000** | **89.200.000** |

| 06. Các khoản phải trả khác | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|---|---|---|
| *Các khoản phải nộp nhà nước* | | |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp | 17.768 | 60.707.388 |
| Thuế Thu nhập cá nhân | 14.308.023 | 12.420.744 |
| **Tổng cộng** | **14.325.791** | **73.128.132** |

| 07. Nguồn vốn kinh doanh | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|---|---|---|
| **Vốn do NSNN cấp** | **894.331.816.836** | **814.485.245.836** |
| + Nguồn vốn của Tỉnh | 382.939.328.685 | 380.598.328.685 |
| + Nguồn vốn của Huyện | 511.392.488.151 | 433.886.917.151 |
| **Tổng cộng** | **894.331.816.836** | **814.485.245.836** |

| 08. Nguồn vốn - Quỹ | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|---|---|---|
| Quỹ khen thưởng | 100.274.020 | 96.315.537 |
| Quỹ phúc lợi | 50.137.010 | 48.157.769 |
| Quỹ bổ sung thu nhập | - | 11.897.084 |
| Quỹ dự phòng ổn định thu nhập | 12.938.730.243 | 12.308.046.222 |
| Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp | 52.187.376.938 | 40.655.613.626 |
| **Tổng cộng** | **65.276.518.211** | **53.120.030.238** |

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

## IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG .

| 1, Hoạt động hành chính, sự nghiệp | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| **1.1 Doanh thu** | | |
| **Từ NSNN cấp:** | | |
| - Thường xuyên | 31.000.000 | 48.660.000 |
| - Không thường xuyên | - | - |
| - Hoạt động khác | - | - |
| **Tổng cộng** | **31.000.000** | **48.660.000** |

| 1.2 Chi phí | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| **Chi phí hoạt động thường xuyên** | 31.000.000 | 48.660.000 |
| - Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên | - | - |
| - Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng | - | - |
| - Chi phí hao mòn TSCĐ | 31.000.000 | 48.660.000 |
| - Chi phí hoạt động khác | - | - |
| **Tổng cộng** | **31.000.000** | **48.660.000** |

| 2. Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| **a. Doanh thu (chi tiết theo yêu cầu quản lý)** | **14.339.790.323** | **22.763.525.792** |
| Tiền gửi không kỳ hạn | 1.170.071 | 955.751 |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 14.338.620.252 | 22.762.570.041 |
| **b. Chi phí** | **1.040.120.384** | **1.083.510.674** |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ | 31.000.000 | 48.660.000 |
| - Chi phí quản lý | 1.009.120.384 | 1.034.850.674 |
| + Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên | 300.822.060 | 288.946.611 |
| + Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng | | - |
| + Chi phí hoạt động khác | 708.298.324 | 745.904.063 |

| 3. Hoạt động khác | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| **a. Thu nhập khác** | - | **789.800** |
| - Hoàn trả phí dịch vụ IB | - | 789.800 |
| **b. Chi phí khác** | - | - |
| **Tổng cộng** | - | 789.800 |

| 4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| - Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 716.989.516 | 1.138.176.288 |
| - Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN năm | - | - |
| **Tổng cộng** | **716.989.516** | **1.138.176.288** |

| 5. Phân phối cho các quỹ | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| - Quỹ khen thưởng | 100.274.020 | 96.315.537 |
| - Quỹ phúc lợi | 50.137.010 | 48.157.769 |
| - Quỹ bổ sung thu nhập | 300.822.060 | 288.946.611 |
| - Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp | 11.531.763.312 | 19.128.304.281 |
| - Quỹ dự phòng ổn định thu nhập | 630.684.021 | 1.029.564.432 |
| **Tổng số đã phân phối cho các quỹ trong năm** | **12.613.680.423** | **20.591.288.630** |

## V. THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

### 1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Sau ngày kết thúc niên độ tài chính 2021 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

Ngày 29 tháng 01 năm 2022

QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT TỈNH TÂY NINH

| Nguyễn Thị Lộc | Nguyễn Thị Hà |
|---|---|
| Kế toán trưởng | Giám đốc |